

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN**  
**CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ**

**Mã hồ sơ: .....**



Đối tượng đăng ký: Giảng viên  Giảng viên thỉnh giảng   
Ngành: Kinh tế  Chuyên ngành: Tài chính – Ngân hàng

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

**1. Họ và tên người đăng ký: TRẦN THỊ XUÂN ANH**

**2. Ngày tháng năm sinh:** 12/09/1980      Nam ; Nữ  Quốc tịch: Việt Nam  
Dân tộc: Kinh;      Tôn giáo: Không

**3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:**

**4. Quê quán:** xã Thiệu Đô, huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá

**5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:** Số 12, Ngõ 97/51, Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam

**6. Địa chỉ liên hệ:**

Trần Thị Xuân Anh – Khoa Tài chính, Học viện Ngân hàng, số 12, Chùa Bộc, Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại nhà riêng: 0243 7614889; Điện thoại di động: 0918420868;

E-mail: anhttx@hvn.edu.vn

**7. Quá trình công tác:**

Thời gian	Công việc	Chức vụ	Cơ quan
9/2002-9/2003	Kế toán	Nhân viên kế toán	NHTM cổ phần quốc tế
9/2003-10/2011	Giảng viên	Giảng viên bộ môn Kinh doanh chứng khoán, Khoa Ngân hàng – Bảo hiểm	Học viện Tài chính
10/2011-2/2015	Giảng viên	Giảng viên bộ môn Kinh doanh chứng khoán, Khoa Tài chính	Học viện Ngân hàng
2/2015-12/2015	Giảng viên	Phó trưởng bộ môn Kinh doanh chứng khoán, Khoa tài chính	Học viện Ngân hàng
12/2015-4/2019	Giảng viên	Trưởng bộ môn Kinh doanh chứng khoán, Khoa Tài chính	Học viện Ngân hàng
4/2019-Nay	Giảng viên	Phó trưởng khoa Tài chính	Học viện Ngân hàng

Chức vụ hiện nay: Phó trưởng khoa Tài chính, Học viện Ngân hàng.

Chức vụ cao nhất đã qua: Phó trưởng khoa Tài chính, Học viện Ngân hàng.

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Tài chính, Học viện Ngân hàng

Địa chỉ cơ quan: số 12, Chùa Bộc, Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại cơ quan: 04-3852 2974

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ..... năm .....

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): .....

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối .....

### **9. Trình độ đào tạo**

- Được cấp bằng Đại học ngày 10 tháng 7 năm 2002.

Ngành: Kinh tế, chuyên ngành: Tài chính – tín dụng.

Nơi cấp bằng ĐH: Học viện Ngân hàng, Việt Nam.

- Được cấp bằng Thạc sỹ ngày 30 tháng 10 năm 2008.

Ngành: Kinh doanh, chuyên ngành: Tài chính và Ngân hàng.

Nơi cấp bằng ThS: Đại học Monash, Úc.

- Được cấp bằng Tiến sỹ ngày 16 tháng 7 năm 2015.

Ngành: Kinh tế, chuyên ngành: Tài chính – Ngân hàng.

Nơi cấp bằng TS: Học viện Ngân hàng, Việt Nam.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..... ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo Sư tại HĐGS cơ sở: Học viện Tài chính

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo Sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Kinh tế

### **13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:**

- Nghiên cứu chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến lĩnh vực giảng dạy của môn học Thị trường tài chính (TTTC), Thị trường chứng khoán (TTCK), Kinh doanh và đầu tư chứng khoán nhằm giải quyết các vấn đề lý luận cũng như thực tiễn tại Việt Nam. Cụ thể, nghiên cứu tập trung vào vấn đề về điều hành, quản lý rủi ro và an toàn tài chính của TTCK; các vấn đề về hoạt động, giao dịch các công cụ tài chính; hiệu quả hoạt động và an toàn tài chính của các định chế tài chính như công ty chứng khoán, quỹ đầu tư trên TTCK; quản trị doanh nghiệp của các công ty niêm yết trên TTCK cũng như các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Việt Nam.

- Nghiên cứu về hệ thống tài chính và thị trường tài chính dưới nhiều góc độ khác nhau, gồm độ mở tài chính (Financial openness), mức độ hội nhập (Financial integration), hệ thống tài chính xanh (Green finance); các yếu tố có thể làm thay đổi cấu trúc thị trường tài chính truyền thống như công nghệ tài chính (Fintech), tiền mã hoá (Cryptocurrency); các sản phẩm tài chính mới giao dịch trên thị trường chứng khoán (Trái phiếu trường thọ - Longevity bonds, Trái phiếu xanh – Green bonds, Chỉ số chứng khoán xanh – Green stock index).

### **14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:**

- Đã hướng dẫn 11 học viên cao học bảo vệ thành công luận văn Thạc sỹ tại Học viện Ngân hàng theo các chương trình Đào tạo cao học chính quy, chương trình thạc sỹ liên kết giữa Học viện Ngân hàng và Đại học Tây Anh Quốc (thạc sỹ tài chính UWE).

- Đã hoàn thành 13 đề tài các cấp, cụ thể:

+ Đã hoàn thành với tư cách chủ nhiệm đề tài: 01 đề tài NCKH cấp Ngành (cấp Bộ); 05 đề tài NCKH cấp cơ sở; 01 đề tài NCKH đạt giải 3 giải thưởng “Tài năng khoa học trẻ” do Bộ Giáo dục & Đào tạo tổ chức.

+ Đã hoàn thành với tư cách thành viên tham gia/thư ký: 04 đề tài NCKH cấp Ngành (cấp bộ); 01 đề tài NCKH cấp cơ sở; tham gia 01 đề tài NCKH hợp tác giữa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam với trung tâm nghiên cứu SEACEN (Malaysia).

- Đã công bố 09 bài báo khoa học trên các tạp chí quốc tế (trong đó có 03 bài thuộc danh mục Scopus), 01 bài báo quốc tế được xác nhận đăng tháng 7/2020 trên tạp chí thuộc danh mục Scopus và 40 bài báo khoa học trên các tạp chí chuyên ngành trong nước.

- Số sách đã xuất bản 16, trong đó:

- + Chủ biên và biên soạn 03 tài liệu tham khảo cho môn học
- + Đồng chủ biên và biên soạn 02 sách chuyên khảo
- + Đồng chủ biên và biên soạn 02 giáo trình
- + Tham gia biên soạn 04 giáo trình
- + Tham gia biên soạn 03 sách chuyên khảo
- + Tham gia biên soạn 02 sách hướng dẫn

### **Các công trình khoa học tiêu biểu đã công bố**

1./ Đồng chủ biên Giáo trình “Phân tích và Đầu tư chứng khoán” - Nhà xuất bản Lao Động – Tháng 6/2018 (với PGS.TS. Tô Kim Ngọc).

2./ Đồng chủ biên Sách chuyên khảo “Hoạt động ngân hàng ngầm – Những tác động đến an toàn của hệ thống ngân hàng và giải pháp” – Nhà xuất bản Hồng Đức – năm 2016 (với TS. Nguyễn Văn Hà).

3./ Chủ biên Tài liệu học tập “Quản trị danh mục đầu tư”, Nhà xuất bản Bách khoa Hà Nội, năm 2020.

4./ Đồng tác giả bài báo “Impact of ownership structure on capital structure – Empirical evidence from listed firms in Vietnam”, DLSU Business and Economics Review (Scopus, Q3), Vol 28, No.1, pp128-150, năm 2018 (Với ThS. Lê Quốc Tuấn, ThS. Bùi Ngọc Phương).

5./ Đồng chủ biên sách chuyên khảo “Doanh nghiệp Việt Nam – Hành động và đổi sách trước ảnh hưởng của chính sách tiền tệ - Nhà xuất bản Khoa học xã hội – Năm 2017 (với PGS.TS. Nguyễn Thị Hoài Lê).

### **15. Khen thưởng**

+ Chiến sĩ thi đua cơ sở năm học 2014-2015; năm học 2015-2016; năm học 2016-2017; năm học 2017-2018; năm học 2018-2019.

+ Bằng khen Thống đốc năm học 2015-2016.

+ Giấy khen của Bộ GD-ĐT về thành tích NCKH năm 2014.

+ Giấy khen “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” của Giám đốc Học viện Ngân hàng liên tục trong các năm học từ 2014-2019.

+ Giấy khen “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ nghiên cứu khoa học” của Giám đốc Học viện Ngân hàng liên tục trong các năm học từ 2014 – 2020.

### **16. Kỷ luật: Không.**

## B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

### 1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Hoàn thành tốt tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo.

### 2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số: 13 năm 9 tháng.

- Kế khai cụ thể 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ:

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS đã hướng dẫn	Số khóa luận tốt nghiệp ĐH đã hướng dẫn	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/Số giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2014-2015				3	360		360/600/280
2	2015-2016				8	405		405/781/229,5
3	2016-2017				3	450		450/816/216
3 năm học cuối								
4	2017-2018			2	3	315	210	525/1195/216
5	2018-2019			3	5	360	180	540/1244/216
6	2019-2020			6	4	162	120	282/745,4/ 202,5

### 3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài

- Bảo vệ luận văn ThS  Tại nước: Úc Từ năm 2006 đến năm 2008.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước :

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: ..... số bằng: .....; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

+ Chương trình cử nhân quốc tế Sunderland, liên kết giữa Học viện Ngân hàng với Đại học Sunderland (Vương Quốc Anh), Việt Nam.

+ Chương trình cử nhân quốc tế CityU, liên kết giữa Học viện Ngân hàng với Đại học CityU (Hoa Kỳ), Việt Nam.

+ Chương trình cử nhân thực hành Ngân hàng – Bảo hiểm liên kết giữa Học viện Tài chính với Đại học Toulon (Cộng hòa Pháp), Việt Nam.

+ Chương trình thạc sỹ ngành Tài chính, liên kết giữa Học viện Ngân hàng với Đại học Tây Anh Quốc (UWE, Vương Quốc Anh), Việt Nam.

+ Chương trình thạc sỹ Tài chính doanh nghiệp & kiểm soát quản trị, liên kết giữa Học viện Tài chính với Đại học Toulon (CH Pháp), Việt Nam.

- Hướng dẫn sinh viên chương trình CLC viết khoá luận bằng tiếng Anh, hướng dẫn sinh viên cao học thuộc chương trình thạc sỹ liên kết UWE viết luận văn bằng tiếng Anh.

d) Đối tượng khác □; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): IELTS 6.5

#### 4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng:

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm HD		Thời gian hướng dẫn từ .... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HV CH	Chính	Phụ			
1	Phạm Hồng Anh		x	x		11/2016-4/2017	HVNH	623/QĐ-HVNH Ngày 11/12/2017
2	Phạm Thị Ngọc Ly		x	x		3/2017-9/2017	HVNH	623/QĐ-HVNH Ngày 11/12/2017
3	Phạm Thuỳ Linh		x	x		6/2017-11/2017	HVNH	941/QĐ-HVNH ngày 16/05/2018
4	Bùi Mỹ Hậu		x	x		6/2017-11/2017	HVNH	941/QĐ-HVNH ngày 16/05/2018
5	Đoàn Hùng Quân		x	x		3/2018-9/2018	HVNH	1843/QĐ-HVNH Ngày 13/11/2018
6	Phạm Thị Thuỳ Dung		x	x		3/2018-9/2018	HVNH	787/QĐ-HVNH ngày 24/09/2019
7	Vũ Hương Giang		x	x		5/2018-9/2018	HVNH – UWE	Ngày cấp bằng 31/10/2018
8	Đinh Thanh Huyền		x	x		5/2018-9/2018	HVNH- UWE	Ngày cấp bằng 31/10/2018
9	Ngô Trúc Tâm		x	x		5/2018-9/2018	HVNH- UWE	Ngày cấp bằng 31/10/2018
10	Nguyễn Thị Thu Anh		x	x		5/2019-9/2019	HVNH- UWE	Ngày cấp bằng 30/09/2019
11	Nguyễn Thị Vân Nhung		x	x		5/2019-9/2019	HVNH- UWE	Ngày cấp bằng 30/09/2019

## 5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn	Xác nhận của CS GDDH
<b>5.1. Trước khi bảo vệ luận án Tiến sĩ</b>							
1	Thị trường chứng khoán và Đầu tư chứng khoán	GT	NXB Tài chính Năm 2009	6	Tham gia	Tr 335-360	Số 676/GCN-HVTC ngày 15/6/2020
2	Câu hỏi và bài tập Phân tích & Đầu tư chứng khoán	HD	NXB Tài chính Năm 2009	6	Tham gia	Tham gia biên soạn	Số 676/GCN-HVTC ngày 15/6/2020
3	Đầu tư tài chính	CK	NXB Tài chính Năm 2013	4	Tham gia	Tr115-240; 240-352	Số 676/GCN-HVTC ngày 15/6/2020
4	Securities Business	GT	NXB Tài chính Năm 2013	2	Đồng chủ biên	109-172; 173-207; 209-240 Xác nhận CB	Số 676/GCN-HVTC ngày 15/6/2020
5	Chính sách thuế kinh doanh chứng khoán trong quá trình tái cấu trúc TTCK Việt Nam	CK	NXB Bách Khoa Hà Nội, Năm 2013	7	Tham gia	Tr19-81 Xác nhận CB	Số 320/GCN-HVNH ngày 24/6/2020
6	Kinh doanh chứng khoán	GT	NXB Bách Khoa Hà Nội, Năm 2015	13	Tham gia	Tr572-619 Xác nhận CB	Số 101/QĐ-HVNH-QLKH, 15/10/2013. Số 20/QĐ-HVNH-QLKH, 11/5/2015. Số 322/GCN-HVNH ngày 24/6/2020
7	Bài giảng gốc Nguyên lý Quản trị rủi ro	TK	NXB Tài chính, Năm 2015	6	Tham gia	Tr155 -202	Số 676/GCN-HVTC ngày 15/6/2020
8	Quản trị doanh nghiệp cho các công ty cổ phần chứng khoán trong quá trình tái cấu trúc TTCKVN	CK	NXB Bách khoa Hà Nội, Năm 2015	9	Tham gia	Tr12-66; 67-140; 146-173	Số 320/GCN-HVNH ngày 24/6/2020
9	Hệ thống câu hỏi và bài tập Phân tích & Đầu tư chứng khoán	HD	NXB Hồng Đức, Năm 2015	12	Đồng chủ biên	Tr60-74; 108-113; 148-163. Xác nhận CB	Số 320/GCN-HVNH ngày 24/6/2020

**5.2. Sau khi bảo vệ luận án Tiến sĩ**

10	Hoạt động ngân hàng ngầm – Những tác động đến an toàn của hệ thống ngân hàng và giải pháp	CK	NXB Hồng Đức, Năm 2016	8	Đồng chủ biên	Tr15-58; 59-72; 99-122. Xác nhận CB	Số 320/GCN-HVNH ngày 24/6/2020
11	Quản lý Danh mục đầu tư	GT	NXB Tài chính Năm 2017	6	Tham gia	Tr285-391	Số 676/GCN-HVTC ngày 15/6/2020
12	Doanh nghiệp Việt Nam – hành động & Đối sách trước ảnh hưởng của chính sách tiền tệ	CK	NXB Khoa học Xã hội Năm 2017	6	Đồng chủ biên	Tr32-50; 72-91; 129-166; 237-249.	Giấy xác nhận của Học viện KHXH Việt Nam
13	Phân tích và Đầu tư chứng khoán	GT	NXB Lao Động Năm 2018	6	Đồng chủ biên	Tr15-60; 152-220; 379-421. Xác nhận CB	Số 08/QĐ-HVNH-VNC, 28/3/2017 Số 111/QĐ-HVNH ngày 30/5/2018 Số 322/GCN-HVNH ngày 24/6/2020
14	Thị trường chứng khoán (tái bản lần thứ 5 có bổ sung)	GT	NXB Khoa học Xã hội Năm 2018	7	Tham gia	Tr 227-267; 268-339; 365-424.	Số 38/QĐ-HVNH ngày 9/3/2011 Số 239/QĐ-HVNH ngày 18/7/2011 Số 322/GCN-HVNH ngày 24/6/2020
15	Quản trị Danh mục đầu tư	TK	NXB Bách khoa Hà Nội, Năm 2020	3	Chủ biên	Tr10-134; 272-312; 313-370; 371-427.	Số538/QĐ-HVNH ngày 25/7/2019 Số 58/QĐ-HVNH ngày 15/1/2020 Số 322/GCN-HVNH ngày 24/6/2020
16	Quản lý Quỹ đầu tư	TK	NXB Bách khoa Hà Nội, Năm 2020	4	Đồng chủ biên	Tr9 – 62; 311-439; 350-393	Số 100/QĐ-HVNH-QLKH, ngày 15/10/2013 Số 03/QĐ-HVNH-QLKH, ngày 21/1/2016 Số 322/GCN-HVNH ngày 24/6/2020

## 6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu/Xếp loại
1	ĐT: Giải pháp phát triển thị trường Upcom theo định hướng thị trường chứng khoán phi tập trung Việt Nam.	Đồng CN	Cấp cơ sở Học viện Tài chính	6/2010-4/2011	21/4/2011 Xuất sắc
2	ĐT: Ứng dụng mô hình CAPM trong phân tích ngành bất động sản trên thị trường chứng khoán Việt Nam.	TK	Cấp cơ sở Học viện Tài chính	9/2011-3/2012	9/3/2012 Xuất sắc
3	ĐT: Quan điểm và định hướng về cho vay KĐCK để đảm bảo an toàn cho hoạt động của các ngân hàng thương mại.	TK	DTNH.26/2012- Cấp Bộ/ Ngân hàng nhà nước VN	12/2012-12/2013	31/12/2013 Giỏi
4	ĐT: Ứng dụng hệ thống tiêu chí CAMELs trong đánh giá an toàn tài chính của các công ty chứng khoán.	CN	Bộ GD-ĐT Giải thưởng “Tài năng khoa học trẻ Việt Nam”	6/2013-12/2014	22/12/2014 (Giải ba)
5	ĐT: An toàn tài chính của các định chế tài chính trung gian.	TK	Cấp ngành/Bộ Bộ tài chính	1/2013-1/2014	12/1/2014 Giỏi
6	ĐT: Hiệu quả chính sách tiền tệ VN – Nhìn từ góc độ của các doanh nghiệp.	TK	Cấp Bộ/ Viện Hàn Lâm KHXHVN	12/2013-1/2015	15/1/2015 Giỏi
7	ĐT: Hoạt động ngân hàng ngầm (Shadow Banking), tác động của nó đến an toàn hệ thống ngân hàng và biện pháp phòng ngừa.	TK	DTNH.11/2015 Cấp Bộ/ Ngân hàng nhà nước VN	11/2015-5/2016	31/5/2016 Giỏi
8	ĐT: Ảnh hưởng của cấu trúc sở hữu đến quyết định tài chính của doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng VN.	CN	DTHV.09/2016 -Cấp cơ sở - HVNH	8/2016-2/2018	9/2/2018 Giỏi
9	ĐT: Phát triển quỹ hưu bổng (Superannuation fund) tại Việt Nam.	CN	DTHV.07/2017 Cấp cơ sở - HVNH	7/2017-7/2018	2/7/2018 Giỏi
10	Macroprudential Policies in the SEACEN Economies – Effectiveness of Macroprudential Policy Through Lending Standard Channel: The Case of Vietnam.	Tham gia	Cấp cơ sở, NHNN (HVNH) -The SEACEN Center	4/2017-4/2018	4/2018
11	ĐT: Đánh giá định lượng mức độ hội nhập của thị trường tài chính Việt Nam và hàm ý chính sách cho giai đoạn 2017-2020.	CN	DTNH.018/17- Cấp Bộ/ Ngân hàng nhà nước VN	12/2017-1/2019	8/3/2019 Giỏi
12	ĐT: Giải pháp tài chính cho phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam.	CN	DTHV.12/2018 Cấp cơ sở - HVNH	7/2018-5/2019	10/12/2019 Xuất sắc
13	ĐT: Giải pháp tăng cường cơ hội nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam.	CN	DTHV.31/2019 Cấp cơ sở - HVNH	7/2019-5/2020	4/6/2020 Xuất sắc



## 7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố

### 7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Năm công bố
<b>7.1.1. Trước khi bảo vệ luận án Tiến sĩ</b>								
1	Sử dụng công cụ chứng khoán phái sinh trong quản trị rủi ro tại các ngân hàng Australia	2	Tham gia	Tài chính			2(544); 51-55	2010
2	Tâm lý tài chính học hành vi và nhìn nhận các sai lầm của nhà đầu tư trên TTCK Việt Nam	2	Tham gia	Nghiên cứu Tài chính kế toán			3(80); 34-38	2010
3	Hoạt động M&A các Công ty chứng khoán: Nhìn lại & kỳ vọng	1	Tác giả chính	Tài chính ISSN: 005-56			2(556); 38-41	2011
4	10 sai lầm của nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán – Dưới góc độ lý thuyết tài chính hành vi	1	Tác giả chính	Nghiên cứu Tài chính kế toán			4(93); 69-73	2011
5	Đánh giá 10 năm chặng đường hoạt động của thị trường chứng khoán Việt Nam	2	Tham gia	Nghiên cứu Tài chính kế toán			5(94); 65-68	2011
6	Thực trạng hoạt động và sự cần thiết tái cấu trúc khối công ty chứng khoán Việt Nam	1	Tác giả chính	Ngân hàng ISSN: 0866-7462			(1+2); 110-115	2012
7	Giải pháp tháo gỡ khó khăn về vốn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	1	Tác giả chính	Quản lý Kinh tế ISSN: 1859-039X			46; 64-69	2012
8	Định giá 58 cổ phiếu ngành BĐS qua ứng dụng mô hình CAPM	3	Tham gia	Nghiên cứu Tài chính kế toán ISSN: 1859-4093			7(108); 22-26	2012
9	Tương lai nào cho mô hình Ngân hàng đầu tư tại Việt Nam	2	Tham gia	Nghiên cứu Kinh tế ISSN: 0866-7489			7(410); 34-42	2012

10	Lượng hóa tác động của Chính sách tiền tệ đến tính thanh khoản của TTCK Việt Nam	2	Tác giả chính	Khoa học và đào tạo Ngân hàng ISSN: 1858-011X			127; 24-30	2012
11	An toàn tài chính của CTCK tại Việt Nam trong thời gian qua	1	Tác giả chính	Ngân hàng ISSN: 0866-7462			6; 35-40	2014
12	Đánh giá hoạt động công ty chứng khoán Việt Nam theo tiêu chuẩn CAMEL	2	Tác giả chính	Khoa học và đào tạo Ngân hàng ISSN:1858-011X			143; 59-64	2014
13	Chính sách tiền tệ - Nhìn từ luật NHNN đến các nghị quyết của đảng	2	Tham gia	Nghiên cứu Kinh tế ISSN: 0866-7489			5(432); 29-36	2014
14	Những vấn đề thuộc hệ thống doanh nghiệp làm hạn chế khả năng hấp thụ vốn tín dụng hiện nay.	2	Tác giả chính	Khoa học và đào tạo ngân hàng ISSN: 1858-011X			152+153; 35-41	2015
15	Nâng cao hiệu quả các kênh HĐV cho DNNVV ở Việt Nam	1	Tác giả chính	Khoa học và đào tạo Ngân hàng ISSN: 1858-011X			158; 41-50	2015
16	Hoạt động ngân hàng ngầm và những hệ lụy đối với nền kinh tế	1	Tác giả chính	Kinh tế & Chính trị thế giới ISSN: 0868-2984			7(231); 3-12	2015

### **7.1.2. Sau khi bảo vệ luận án Tiến sĩ**

#### **7.1.2.1. Bài báo công bố trên tạp chí khoa học quốc tế**

17	Effect of Shadow banking activities on the financial conditions of Vietnam Securities Company	2	Tác giả chính 1 <sup>st</sup>	Mediterranean journal of social science ISSN: 2039-9340 (print); 2039-2117(online)			Vol 7, No.5; 27-41	2016
18	Semi-strong form efficiency: Market reaction to dividend and earning announcements in Vietnam stock exchange	3	Tác giả chính 1 <sup>st</sup>	Review of Business and Economics Studies ISSN: 2311-0279 (online); 2308-944X (Print)			Vol 4, No.3; 53-67	2016
19	Monetary policy and the financial decisions of firm – Empirical study in Vietnam	2	Tham gia	Mediterranean journal of social science ISSN: 2039-9340 (print); 2039-2117(online)			Vol 7, No.6; 27-40	2016

20	Affect of uncertainty avoidance on venture capital investing activities in Asian	3	Tác giả chính 1 <sup>st</sup>	Asian Social Science ISSN: 1911-2017 (print); 1911-2025(online)			Vol 12. No.12; 152-173	2016
21	Performance of Vietnam Securities Companies – An application of Camel rating system	1	Tác giả chính 1 <sup>st</sup>	International journal of Applied Business and Economic Research ISSN: 0972-7302	Scopus (2008-2017), Q4		Vol 15, No.5; 283-309	2017
22	Pension system in Vietnam: New challenges and development prospects	2	Tác giả chính 1 <sup>st</sup>	The Russian Journal of Vietnamese studies ISSN:1559-372X			Serries 2, No.4; 43-53	2018
23	Impact of of ownership structure on capital structure – Empirical evidence from listed firms in Vietnam	3	Tác giả chính 1 <sup>st</sup>	DLSU Business and Economics Review ISSN: 0116-7111	Scopus (IF: 0.46 Q3)		Vol 28, No.1; 128-150	2018
24	Impact of ownership structure on firm value by financial decisions- new evidence from Vietnamese listed firms	3	Tác giả chính 1 <sup>st</sup>	International Journal of Business and Management Science ISSN:1837-6614 (Print); 985692X(online)	Scopus (Q4)		Vol 8, No.1; 151-161	2018
25	The relationship between ownership structure and dividend policy: an application in Vietnam stock exchange	2	Tác giả chính 1 <sup>st</sup>	Academic Journal of Interdisciplinary Studies ISSN: 2281-3993 (Print); 2281-4612(online)	Scopus (Q4)		Vol 8, No.2; 131-147	2019
26	Assessing financial market integration in Vietnam: A price-Based Approach	3	Tác giả chính 1 <sup>st</sup>	Academic Journal of Interdisciplinary Studies ISSN: 2281-3993 (Print); 2281-4612(online)	Scopus (Q4)		Vol 9, No4 (Thư chấp nhận đăng)	7/2020

**7.1.2.2. Bài báo công bố trên tạp chí khoa học trong nước**

27	Nhận diện hoạt động ngân hàng ngầm tại VN	3	Tham gia	Khoa học và đào tạo ngân hàng ISSN: 1858-011X			162; 39-49	2015
28	Ảnh hưởng của chính sách tiền tệ đến phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp – bằng chứng thực nghiệm tại Việt Nam	1	Tác giả chính	Khoa học & Đào tạo Ngân hàng ISSN: 858-011X			169; 9-17	2016
29	Tác động công bố thông tin đến chi trả cổ tức đến giá cổ phiếu trên TTCK Việt Nam	2	Tác giả chính	Nghiên cứu Kinh tế ISSN: 0866-7489			8(459); 50-57	2016
30	Thị trường vốn Việt Nam – 16 năm phát triển	3	Tác giả chính	Khoa học và Đào tạo Ngân hàng ISSN: 1858-011X			176+177; 15-26	2017
31	Công bằng xã hội về kinh tế: nhìn từ góc độ cung ứng vốn cho hệ thống doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam	3	Tham gia	Nghiên cứu Kinh tế ISSN: 0866-7489			6(469); 31-39	2017
32	Ảnh hưởng của cấu trúc sở hữu đến quyết định đầu tư của các công ty niêm yết trên TTCKVN	2	Tác giả chính	Nghiên cứu Kinh tế ISSN: 0866-7489			11 (474); 28-39	2017
33	Kinh nghiệm đổi mới sáng tạo ở một số nước trên thế giới và đề xuất cho VN	3	Tác giả chính	Khoa học và đào tạo Ngân hàng ISSN: 1858-011X			188+189; 88-97	2018
34	Analyzing financial integration of Vietnam via KOPEN index	2	Tác giả chính	Vietnam's Socio-Economic Development ISSN: 0868-359X			Vol 22, No.4; 19-39	2018
35	Developing Superannuation Fund: international experiences and recommendations for Vietnam	4	Tác giả chính	Vietnam Social Sciences ISSN: 1013-4328			No3 (185) 36-53	2018
36	Xây dựng Quỹ hưu bổng tại Việt Nam	4	Tác giả chính	Kinh tế & Chính trị thế giới ISSN: 0868-2984			4(264); 61-71	2018

37	Hệ thống quỹ hưu bổng trên thế giới: Kinh nghiệm quốc tế và xu hướng phát triển	4	Tác giả chính	Khoa học và Đào tạo Ngân hàng ISSN: 1858-011X			192; 65-79	2018
38	Ảnh hưởng của rủi ro trường thọ đối với Việt Nam	4	Tác giả chính	Khoa học và Đào tạo Ngân hàng ISSN: 1858-011X			194; 20-30	2018
39	Hệ thống các thước đo mức độ hội nhập TTTC trên thế giới và một số khuyến nghị cho VN	3	Tác giả chính	Nghiên cứu Kinh tế ISSN: 0866-7489			10(485); 58-72	2018
40	Cơ hội và thách thức của ngành Quản lý gia sản tại Việt Nam	2	Tác giả chính	Khoa học và Đào tạo Ngân hàng ISSN: 1858-011X			196; 12-25	2018
41	Đánh giá chặng đường Hội nhập TTTC Việt Nam – Những nút thắt cần tháo gỡ	2	Tác giả chính	Khoa học và Đào tạo Ngân hàng ISSN: 1858-011X			198; 35-49	2018
42	Xây dựng chiến lược và lộ trình hội nhập TTTC Việt Nam giai đoạn 2019-2025	2	Tác giả chính	Khoa học và Đào tạo Ngân hàng ISSN: 1858-011X			200+201; 56-68	2019
43	Xây dựng hệ thống Tài chính xanh- kinh nghiệm một số nước trên thế giới và bài học cho VN	4	Tác giả chính	Khoa học và Đào tạo Ngân hàng ISSN: 1858-011X			204; 65-78	2019
44	Định hướng phát triển dịch vụ tài chính – ngân hàng Việt Nam và những vấn đề đặt ra	2	Tác giả chính	Tài chính ISSN: 2615-8973			714; 24-29	2019
45	Tài chính xanh cho phát triển kinh tế xanh tại Việt Nam – Những vấn đề cần tháo gỡ	4	Tác giả chính	Khoa học và Đào tạo Ngân hàng ISSN: 1858-011X			210; 57-68	2019
46	Công nghệ tài chính (Fintech) trong cách mạng công nghiệp 4.0 ở một số nước châu Âu, châu Á và Mỹ: Thực trạng và triển vọng	3	Tham gia	Nghiên cứu Châu Âu ISSN: 0868-3581			11(230); 21-33	2019
47	Phối hợp hiệu quả chính sách tài khoá và tiền tệ, hỗ trợ DN phát triển	2	Tác giả chính	Tài chính ISSN: 2615-8973			718; 23-35	2019

48	Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài trên TTCK VN	2	Tác giả chính	Tài chính ISSN: 2615-8973			724; 28-31	2020
49	Ảnh hưởng của công nghệ tài chính đến an toàn hệ thống tài chính – Từ khung lý luận đến thực tiễn tại Việt Nam	2	Tác giả chính	Khoa học và Đào tạo Ngân hàng ISSN: 1858-011X			216; 1-12	2020
50	Chính sách tín dụng đối với huy động vốn cho doanh nghiệp khởi nghiệp tại Việt Nam	2	Tác giả chính	Tài chính ISSN: 2615-8973			728; 18-21	2020

### **7.1.3. Bài báo khoa học đăng và trình bày tại Hội thảo khoa học**

#### **7.1.3.1. Bài báo khoa học đăng Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế**

1	Ảnh hưởng của chính sách tiền tệ đến TTCK Việt Nam – Từ lý luận đến thực tiễn	1	Tác giả chính	Chính sách tiền tệ phối hợp với các chính sách kinh tế vĩ mô khác trong điều kiện kinh tế thế giới biến động Số ĐKXB: 123-2011/CXB/194-15/GTVT Số QĐXB: 79/-GTVT.			Tr96-105	2011
2	Tự do hoá dòng vốn FPI và những khía cạnh tác động đến TTCK Việt Nam	2	Tác giả chính	Kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh trong bối cảnh hội nhập kinh tế (ICYREB) ISBN: 978-604-946-501-7			Tập 1, Vol.1 75-93 Trình bày tại hội thảo	2015
3	Classifying the shadow banking in Commercial Banks of Vietnam	5	Tham gia	International conference proceedings of CEHM and ERPUB Thái Lan. ISBN: 978-93-84468-50-7			40-48	2016
4	Research on the nature of foreign portfolio investment on Vietnam stock exchange	2	Tác giả chính	Developing financial markets in international integration context. ISBN:978-604-88-3505-7			Vol 2; 522-542	2016

5	Improving the financial inclusion via fintech	2	Tác giả chính	Promoting financial inclusion in Vietnam, Việt Nam. ISBN: 978-604-65-3109-8			79-99	2017
<b>7.1.3.2. Bài báo khoa học đăng Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia</b>								
6	Quản lý hoạt động ngân hàng ngầm: kinh nghiệm quốc tế và bài học đối với Việt nam	4	Tác giả chính	Phát triển kinh tế - xã hội và ngành ngân hàng Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế ISBN: 978-604-946-032-6			825-840	2015
<b>7.1.3.3. Báo cáo khoa học trình bày tại Hội thảo khoa học quốc gia, quốc tế</b>								
7	Moneytary policy and its impact on stock market liquidity: evidence from Vietnam stock exchange	3	Tác giả chính	Vietnam international conference in finance (VICIF), Đà Nẵng, Việt Nam			Trình bày tại hội thảo	2016
8	Monetary policy and the financial decisions of firms – empirical study in Vietnam	1	Tác giả chính	Macprudential policy: taking stock of the state of the art, and ways forward; NHTW Thụy Sĩ tổ chức tại Geneva, Thụy Sĩ			Trình bày tại hội thảo	2017
9	Assessing financial market integration in Vietnam – A price based approach	3	Tác giả chính	The first international conference on Banking and Finance, Việt Nam.			Trình bày tại hội thảo	2019

*Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà ứng viên là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS: 03 bài đã công bố, 01 bài được chấp nhận đăng tại Vol 9, No4, 7/2020, tạp chí Academic journal of Interdisciplinary studies (Scopus (Q4 - Thư xác nhận)).*

**7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích:** Không

**7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế**

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
<b>Trước khi bảo vệ luận án Tiến sĩ</b>				
1	Giải ba, Giải thưởng “Tài năng khoa học trẻ Việt Nam”	Bộ Giáo Dục và Đào Tạo	6087/QĐ-BGDĐT, ngày 22/12/2014	03

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học: Không

**9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học thay thế: Không**

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng)

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng)

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu)

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu)

- Hướng dẫn NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS). Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS). Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH. Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

**C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

*Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2020*

Người đăng ký



**Trần Thị Xuân Anh**